

KẾ HOẠCH

tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

*Đ/c Bùi Sơn
Bà/c Cao Thị Ngọc*

Thực hiện Kế hoạch số 35-KH/TU, ngày 24/9/2021 của Ban Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Kế hoạch thực hiện, như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổng kết toàn diện kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên trên cơ sở kết quả thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X "Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên" và các văn bản của Đảng có liên quan từ năm 2010 đến nay.

- Việc tổng kết phải được triển khai thực hiện nghiêm túc; đánh giá đúng thực tiễn, khách quan; phát huy dân chủ, trách nhiệm, tập hợp trí tuệ của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và các thành viên trong hệ thống chính trị.

- Báo cáo phải bám sát đề cương, nội dung cần tập trung đánh giá, làm rõ những kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc; chỉ rõ nguyên nhân, nêu mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả; rút ra những bài học kinh nghiệm; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp khả thi để tiếp tục xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

B. NỘI DUNG TỔNG KẾT

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên
2. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng
 - Về xây dựng, kiện toàn, sắp xếp các loại hình tổ chức cơ sở đảng ...
 - Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ.

- Về xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy.
- Về sinh hoạt đảng bộ, cấp ủy, chi bộ.
- Về kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đánh giá xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng.

3. Xây dựng đội ngũ đảng viên

- Về tình hình đội ngũ đảng viên.
- Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ đảng viên.
- Về công tác phát triển đảng viên.
- Về công tác quản lý đảng viên.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân
2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Mục tiêu
2. Nhiệm vụ và giải pháp
3. Đề xuất, kiến nghị

(Nội dung báo cáo theo đề cương và biểu mẫu thống kê kèm theo Kế hoạch này)

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN TIẾN HÀNH

1. Phương pháp tiến hành
 - Các đảng ủy, chi bộ trực thuộc xây dựng kế hoạch kế hoạch, chỉ đạo chặt chẽ việc tổng kết, xây dựng báo cáo.
 - Các đảng ủy, chi bộ trực thuộc tổ chức hội nghị để thảo luận và thông qua báo cáo trước khi gửi về Ban Thường vụ Thành ủy.
2. Thời gian tiến hành tổng kết
 - Đối với cấp cơ sở: Hoàn thành việc tổng kết và báo cáo về Ban Thường vụ Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy) trước ngày **07/10/2021**.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Giao Đảng ủy, chi bộ trực thuộc Đảng bộ Thành phố chỉ đạo việc tổng kết, xây dựng báo cáo theo đúng kế hoạch, yêu cầu và tiến độ thời gian.

2. Giao Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp với các ban xây dựng Đảng, UBKT, Văn phòng Thành ủy, Trung tâm chính trị Thành phố; các phòng, ban đơn vị có liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng báo cáo tổng kết của Thành ủy gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước **20/10/2021**.

3. Yêu cầu các Ban xây dựng Đảng, UBKT, Văn phòng Thành ủy, Trung tâm chính trị Thành phố; Đảng bộ, chi bộ trực thuộc; các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Các đ/c UVBTV Thành ủy,
- Các ban XDD, UBKT, Văn phòng Thành ủy, TT chính trị TP,
- Các đảng ủy, chi bộ trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lê Anh Tuấn



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổng kết về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

(Kèm theo Kế hoạch số 57 - KH/TU, ngày 29/9/2021)

Đặc điểm, tình hình chung của địa phương, cơ quan, đơn vị ảnh hưởng đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Tổng số chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (chi bộ thôn, tổ dân phố...). Tổng số đảng viên.

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN

Từ thực tiễn công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên từ năm 2010 đến nay, tập trung đánh giá một số nội dung chủ yếu sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

- Việc ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một số nghị quyết, đề án chuyên đề tạo sự chuyển biến rõ nét về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên của cấp ủy cấp tỉnh và tương đương. Kết quả nổi bật.

- Một số giải pháp đột phá, có hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.

2. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng

2.1. Về xây dựng, kiện toàn, sắp xếp các loại hình tổ chức cơ sở đảng

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, những vấn đề thực tiễn đặt ra cần tháo gỡ:

- Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng thông qua thực hiện các đề án về đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở địa phương, cơ quan, đơn vị; việc thực hiện Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương¹...

- Việc kiện toàn, sắp xếp, hoàn thiện mô hình các chi bộ trực thuộc đảng ủy: xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; các loại hình doanh nghiệp; tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang; ngoài nước.

- Việc xây dựng, phát triển tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước theo Kết luận số 80-KL/TW², Chỉ thị số 33-CT/TW³.

¹ Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 09/3/2010 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng.

² Kết luận số 80-KL/TW, ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới.

³ Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

- Việc xây dựng chi bộ ở những nơi khó khăn (thôn, tổ dân phố chưa có đảng viên, chưa có chi bộ; đồng bào theo tôn giáo).

- Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

.....

2.2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, những vấn đề thực tiễn đặt ra cần tháo gỡ:

- Việc cụ thể hóa các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

- Việc xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ.

2.3. Về xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Trình độ, năng lực cấp ủy viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ.

- Công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự cấp cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ.

- Việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND cấp xã, phường hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND cấp xã, phường ở những nơi đủ điều kiện.

- Việc nhất thể hóa bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

2.4. Về sinh hoạt đảng bộ, cấp ủy, chi bộ.

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Kết luận số 18-KL/TW⁴, Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW⁵. Việc ban hành tiêu chí và tổ chức đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ.

⁴Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư khóa X "Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ" trong tình hình mới.

⁵Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 6/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Về sinh hoạt đảng bộ cơ sở thường kỳ hằng năm, sinh hoạt cấp ủy.

- Về chất lượng sinh hoạt chi bộ của từng loại hình chi bộ; đổi mới hình thức, nội dung nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề; sinh hoạt theo chủ đề việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2.5. Về kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đánh giá xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cấp ủy cơ sở; việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm.

- Về đánh giá xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng.

3. Xây dựng đội ngũ đảng viên

3.1. Về tình hình đội ngũ đảng viên

Phân tích về số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ đảng viên:

- Sự tăng, giảm đảng viên từ năm 2010 đến năm 2020.

- Về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị.

- Cơ cấu theo giới tính, nghề nghiệp, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo...

3.2. Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ đảng viên

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, định hướng dư luận xã hội cho đảng viên, nhất là trong sinh hoạt chi bộ.

- Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương.

- Rèn luyện đạo đức, lối sống của đảng viên.

- Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ đảng viên theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đảng viên; việc thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm; việc chấp hành nguyên tắc, chế độ sinh hoạt đảng của đảng viên.

3.3. Về công tác phát triển đảng viên

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kết nạp đảng viên.
- Công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở thôn, tổ dân phố, trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước và trường học.
- Việc bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới.
- Việc thực hiện kết nạp và công nhận đảng viên chính thức (tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục, hồ sơ kết nạp đảng viên; vấn đề lịch sử và chính trị hiện nay của người vào Đảng; kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt (người theo tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân...); kết nạp lại người vào Đảng...).

Đánh giá khái quát kết quả kết nạp đảng viên từ năm 2010 đến năm 2020

3.4. Về công tác quản lý đảng viên

Nêu cụ thể kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện:

- Việc phân công, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên.
- Công tác quản lý hồ sơ đảng viên; chuyển sinh hoạt đảng.
- Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên hằng năm.
- Việc thực hiện quy định trách nhiệm của đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.
- Việc thực hiện giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng.
- Việc quản lý đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú.
- Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đảng viên.
- Việc rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân
2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Mục tiêu

Đề nghị nêu mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của đảng bộ về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên đến năm 2025 và năm 2030.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng tổ chức cơ sở đảng.
- Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ đảng viên.

Đề nghị đề xuất các giải pháp khả thi nhằm khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; những vấn đề thực tiễn đặt ra (đã nêu tại Mục I) và bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp mang tính đột phá, cấp bách nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

3. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị nêu rõ, cụ thể những nội dung đề xuất, kiến nghị với Trung ương, với tỉnh, Thành ủy để xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

THỐNG KÊ CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG

Biểu số 1

[illegible]

T	Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã								Ngoài nước	Khả
							Công lập	Ngoài công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước		Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước				Hợp tác xã			
											Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty trách nhiệm hữu hạn		Công ty hợp danh		

Tính đến 31/12/2016

[illegible]

Loại hình	Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp		Quân đội	Công an	Doanh nghiệp và hợp tác xã								Ngoài nước	Khác
						Công lập	Ngoài công lập			Doanh nghiệp có vốn Nhà nước			Doanh nghiệp không có vốn Nhà nước						
										Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	Công ty Cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty trách nhiệm hữu hạn	Công ty hợp danh	Hợp tác xã		
Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên																			
Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên																			
Chi bộ có từ 10 đến dưới 30 đảng viên																			
Chi bộ có từ 30 đến 100 đảng viên																			
Chi bộ có trên 100 đảng viên																			
Số chi bộ đồng đảng viên chia thành nhiều tổ đảng																			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ TRÌNH ĐỘ CẤP ỦY, BÍ THƯ CẤP ỦY CƠ SỞ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Biểu số 2

	Loại hình	Tổng số	Cơ quan hành chính	Đơn vị sự nghiệp	Quân đội	Công an	Doanh nghiệp nhà nước	DN ngoài KV Nhà nước	Ngoài nước	Loại hình khác
1	Cấp ủy cơ sở									
	Trình độ chuyên môn									
	Sau đại học									
	Đại học, cao đẳng									
	Trung cấp									
2	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo									
	Trình độ lý luận chính trị									
	Cao cấp, cử nhân									
	Trung cấp									
	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo									
2.1	Bí thư cấp ủy cơ sở									
	Trình độ chuyên môn									
	Sau đại học									
	Đại học, cao đẳng									
	Trung cấp									
2.2	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo									
	Trình độ lý luận chính trị									
	Cao cấp, cử nhân									
	Trung cấp									
	Sơ cấp, Chưa qua đào tạo									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(số điện thoại liên hệ)DUYỆT BIỂU
(Ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ
ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ XÃ, PHƯỜNG
(Nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Biểu số 3

CHỈ TIÊU	Ủy viên Ban Chấp	Ủy viên Ban Thường vụ	Bí thư
1	2	4	6
Tổng số			
<i>Trong đó:</i>			
- Phụ nữ			
- Dân tộc thiểu số			
- Tôn giáo			
- Cán bộ tăng cường, luân chuyển			
- Bí thư cấp ủy không là người địa phương			
1. Tuổi đời			
- Dưới 30 tuổi			
- Từ 30 đến 40 tuổi			
- Từ 41 đến 45 tuổi			
- Từ 46 đến 50 tuổi			
- Từ 51 đến 55 tuổi			
- Trên 55 tuổi			
2. Trình độ học vấn phổ thông			
- Tiểu học			
- Trung học cơ sở			
- Trung học phổ thông			
3. Trình độ chuyên môn			
- Sơ cấp, chưa qua đào tạo			
- Trung học chuyên nghiệp			
- Đại học, Cao đẳng			
- Sau đại học			
4. Trình độ lý luận chính trị			
- Sơ cấp, chưa qua đào tạo			
- Trung cấp			
- Cao cấp, cử nhân			
5. Trình độ quản lý			
- Quản lý kinh tế			
- Quản lý nhà nước			
- Khác			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(số điện thoại liên hệ)

DUYỆT BIỂU
(ký tên, đóng dấu)

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CẤP ỦY VIÊN CƠ SỞ
Nhiệm kỳ 2015-2020

Biểu số 5

Tiêu chí	Đào tạo chuyên môn			Đào tạo lý luận chính trị		Theo chức danh	Nghịệp vụ công tác đảng
	Sau đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp	Cử nhân, cao cấp	Trung cấp		
Khối xã, phường, thị trấn							
Bí thư cấp ủy							
Phó bí thư							
Ủy viên BTV, cấp ủy viên							
Bí thư CB trực thuộc							
Chi ủy viên							
Khối cơ quan, ĐVSN							
Bí thư cấp ủy							
Phó bí thư							
Ủy viên BTV, cấp ủy viên							
Bí thư CB trực thuộc							
Chi ủy viên							
Khối doanh nghiệp							
Bí thư cấp ủy							
Phó bí thư							
Ủy viên BTV, cấp ủy viên							
Bí thư CB trực thuộc							
Chi ủy viên							
Khối LL, vũ trang							
Bí thư cấp ủy							
Phó bí thư							
Ủy viên BTV, cấp ủy viên							
Bí thư CB trực thuộc							
Chi ủy viên							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(số điện thoại liên hệ)

DUYỆT BIỂU
(ký tên, đóng dấu)

ĐẢNG BỘ TP THANH HÓA

ĐẢNG ỦY

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm

**THỐNG KÊ VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN
TRỰC THUỘC ĐẢNG ỦY PHƯỜNG, XÃ**

Biểu số 6

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2020
1	Số thôn, tổ dân phố		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
	Số chi bộ sinh hoạt ghép		
2	Số bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố		
Trong đó	Số kiêm trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố		
	Số kiêm trưởng ban công tác Mặt trận		
	Số kiêm cả trưởng thôn hoặc tổ trưởng tổ dân phố và trưởng ban công tác mặt trận		
	Số kiêm nhiệm chức danh khác		
3	Số trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố		
	Trong đó: Số chưa là đảng viên		
4	Số trường tiểu học và THCS		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
5	Số trạm y tế		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		
6	Số doanh nghiệp		
Trong đó	Số chưa có đảng viên		
	Số chưa có tổ chức đảng		

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU

(ký tên, đóng dấu)

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN
VÀ CHI BỘ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**
(Tính đến 31/12/2020)

Biểu số 7

STT	Nội dung	Xã	Phường	Ghi chú
1	Chi bộ thôn, tổ dân phố			
Trong đó	Chi bộ có từ 03 đến 05 đảng viên			
	Chi bộ có từ 06 đến 09 đảng viên			
	Chi bộ có từ 10 đến 29 đảng viên			
	Chi bộ có từ 30 đến 50 đảng viên			
	Chi bộ có từ 51 đến 100 đảng viên			
	Chi bộ có trên 100 đảng viên			
2	Số đảng viên của các chi bộ thôn, tổ dân phố			
Trong đó	Số đảng viên ngoài độ tuổi lao động			
	Số đảng viên trong độ tuổi lao động			
3	Số thôn, tổ dân phố không còn nguồn kết nạp*			

Ghi chú : (*) là không còn quần chúng đã được học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN BỊ KỶ LUẬT
(Từ 1/1/2016 đến 31/12/2020)

Biểu số 9

STT	Năm	Tổ chức cơ sở đảng			Chi bộ trực thuộc			Đảng viên			
		Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ
1	2016										
2	2017										
3	2018										
4	2019										
5	2020										

Ghi chú: Ghi rõ tên các tổ chức đảng bị giải tán

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký tên, đóng dấu)

**THÔNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN
ĐƯỢC MIỄN CÔNG TÁC VÀ SINH HOẠT ĐẢNG**

Biểu số 10

STT	NỘI DUNG	Tính đến 31 tháng 12	
		Năm 2016	Năm 2020
	Tổng số đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng		
1	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng vì tuổi cao, sức yếu		
2	Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng không vì lý do tuổi cao, sức yếu		
	<i>Do phải điều trị bệnh dài ngày hoặc điều trị bệnh ở xa nơi cư trú</i>		
	<i>Ra nước ngoài làm nhiệm vụ đơn lẻ, vì việc riêng như du lịch, chữa bệnh...</i>		
	<i>Đi lao động đơn lẻ, ở vùng xa, không có tổ chức Đảng hoặc điều kiện đi lại khó khăn, không thể tham gia sinh hoạt Đảng</i>		
	<i>Đảng viên đi làm việc lưu động ở các địa phương, đơn vị trong nước thời gian dưới 1 năm, việc làm không ổn định, hoặc ở những nơi chưa có tổ chức đảng, không có điều kiện về tham gia sinh hoạt chi bộ theo quy định</i>		
	<i>Đảng viên là cán bộ, công chức nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ của Nhà nước có nguyện vọng được miễn sinh hoạt đảng trong thời gian nghỉ chờ quyết định nghỉ hưu</i>		
	<i>Đảng viên nữ trong thời gian sinh con theo quy định của Luật Lao động có nguyện vọng miễn sinh hoạt đảng</i>		
	<i>Trường hợp khác (nếu có ghi rõ)</i>		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN ĐI LÀM ĂN XA NƠI CƯ TRÚ

Biểu số 11

STT	NỘI DUNG	Tính đến 31 tháng 12	
		Năm 2016	Năm 2020
	Tổng số đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú		
Trong đó	Đảng viên chưa được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng		
	Đảng viên được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng theo		
	Miễn 1 lần		
	Miễn 2 lần		
	Miễn 3 lần trở lên		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THÔNG KÊ SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN BỊ XÓA TÊN VÀ XIN RA KHỎI ĐẢNG

Biểu số 12

STT	NỘI DUNG	Trong năm 2016	Trong năm 2020
1	Tổng số đảng viên chính thức bị xóa tên		
1.1	Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng 3 tháng trong năm mà không có lý do chính đáng		
Trong đó	- Đảng viên không làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng		
	- Đảng viên đi làm ăn xa		
	- Đảng viên thường xuyên đi công tác		
1,2	Đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự hủy thẻ đảng viên		
1.3	Đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục nhưng sau thời gian 12 tháng phấn đấu không tiến bộ		
1.4	Đảng viên hai năm liên vi phạm tư cách đảng viên		
1.5	Đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị		
2	Tổng số đảng viên dự bị bị xóa tên		
3	Tổng số đảng viên xin ra khỏi Đảng		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẢNG BỘ TP THANH HÓA
ĐẢNG ỦY, CHI BỘ

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày...tháng....năm 2021

*

THỐNG KÊ

CHI BỘ KHÔNG KẾT NẠP ĐƯỢC ĐẢNG VIÊN TRONG NHIỆM KỲ 2015-2020

Biểu số 15

STT	Nội dung	Các loại hình tổ chức cơ sở đảng									
		Xã	Phường	Thị trấn	Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	Cơ quan Nhà nước	Đơn vị sự nghiệp	Quân đội	Công an	Doanh nghiệp	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13
1	Số chỉ bộ 1 năm không kết nạp được đảng viên										
2	Số chỉ bộ 2 năm liên tục không kết nạp được đảng viên										
3	Số chỉ bộ 3 năm liên tục không kết nạp được đảng viên										
4	Số chỉ bộ 4 năm liên tục không kết nạp được đảng viên										
5	Số chỉ bộ 5 năm liên tục không kết nạp được đảng viên										
	Tổng										

NGƯỜI LẬP BIỂU
Số điện thoại

NGƯỜI DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẢNG BỘ TP THANH HÓA
ĐẢNG ỦY, CHI BỘ....

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..., ngày.... tháng... năm 2021

THỐNG KÊ

các văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng
tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

Biểu số 16

TT	Loại văn bản	Số lượng	Trích yếu nội dung văn bản
1	2	3	4
1. Cấp huyện			
1	Chương trình hành động		
2	Nghị quyết		
3	Chỉ thị		
4	Kế hoạch		
5	Quy định		
6	Hướng dẫn		
7	Công văn		
8	Đề án		
	Các văn bản khác (nếu có)		Không làm mục này
2. Cấp cơ sở			
1	Chương trình hành động		
2	Nghị quyết		
3	Kế hoạch		
4	Quy định		
5	Hướng dẫn		
6	Công văn		
	Các văn bản khác (nếu có)		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(số điện thoại)

DUYỆT BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)